

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 05/4/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Hà và bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú, là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Bùi Thị X; Địa chỉ: Thôn T A, xã M A, huyện V C, tỉnh Y B(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Bị đơn: Ông Nguyễn T A; Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị X trình bày:

- Về tình cảm: Chị X và anh Nguyễn T A đăng ký kết hôn tại UBND phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ vào ngày 09/10/2012. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là sau khi anh T A đi chấp hành án về vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, anh T A sống vô tâm, không có trách nhiệm với chị X và con. Đỉnh điểm mâu thuẫn vào cuối năm 2015 chị X sinh con, sau đó chị X đã bế con và cắt hộ khẩu về bên bố mẹ ở tại Thôn T A, xã M A, huyện V C, tỉnh Y B cho tới nay, khi chị X cho con về bên bố mẹ ở anh T A không quan tâm và không có trách nhiệm với chị X và con. Khi vợ chồng mâu thuẫn chị X không báo cáo chính quyền địa phương để hòa giải vì chị X và anh T A làm nghề tự do, không có nhà cửa ổn định đi thuê nhà không đăng ký sinh hoạt với phố phường, do vậy mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn chị X và anh

T A tự giải quyết không báo cáo cơ quan tổ chức nào. Do chị X và anh T A đã sống ly thân gần 7 năm, tình cảm không còn và không còn quan tâm đến nhau. Chị X có gọi cho anh T A nhiều lần để giải quyết việc ly hôn, anh T A không chịu hợp tác và còn có những câu nói không tôn trọng chị X và bảo muốn làm gì thì làm. Nay chị X không còn tình cảm với anh T A nên chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T A.

- Về con chung: Chị X và anh T A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh 09/02/2013, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T A cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị X có công việc làm thuê, thu nhập từ lương là từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng đủ để chị chăm sóc, nuôi dưỡng và lo cho con ăn học. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 11/3 /2023 bị đơn anh Nguyễn T A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T A và chị X kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ ngày 09/10/2012, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian do tính tình vợ chồng không hợp sau đó chị X đã đưa con bỏ về bên bố mẹ đẻ ở không còn quan tâm đến anh T A. Đến nay chị X làm đơn xin ly hôn với anh, anh T A nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh T A và chị X có 1 con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh 09/2/2013, anh T A nhất trí để chị X tạm nuôi con khi nào chị X mà lấy chồng thì anh T A yêu cầu thay đổi nuôi con sau. Về cấp dưỡng nuôi con anh T A không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản và công nợ: Không có.

Anh T A đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh vì anh phải đi làm ăn ở xa nên không thể tham dự phiên tòa như giấy triệu tập của Tòa án.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn: Về cơ bản đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị X, chị X được ly hôn với anh T A.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh 09/2/2013 cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh T A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị X phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/11/2022 chị Bùi Thị X nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Nguyễn T A có địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Đ. Ngày 15/11/2022 chị X đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị X theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Nguyễn T A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn T A kết hôn tại UBND phường H L, thành phố Đ B P, tỉnh Đ vào ngày 09/10/2012, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị X và anh T A đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là, do anh T A và chị X vợ chồng sống bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc

sống của ai, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 chị X đã về nhà Bố mẹ đẻ ở tại Thôn T A, xã M A, huyện V C, tỉnh Y B sinh sống cho đến nay cho đến nay, chị X và anh T A không ai quan tâm đến ai.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo bằng điện thoại, bằng văn bản cho anh T A được biết và Tòa án đã Thông báo tiếp cận chứng và hòa giải cho chị X và anh T A sau đó anh T A không hợp tác đến ngày 11/3/2023 anh T A đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa đã triệu tập anh T A nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1; vắng mặt tại buổi hòa giải lần 1 do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh T A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay chị X có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T A, trong đơn xin xét xử vắng mặt của anh T A về tình cảm anh T A xác định tình cảm không còn, anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị X khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị X và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Nguyễn T A.

[2.2] Xét về con chung: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn T A có 01 con chung: Cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 09/02/2013. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T A nhất trí để chị X nuôi con chung. Anh T A không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2022 cháu Nguyễn Thùy Trang đã có bản tự khai và nguyện vọng của cháu Trang mong muốn ở với chị X. Hiện nay cháu Trang cũng ở với chị X và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T A nhất trí để chị X nuôi cháu Trang. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị X và anh T A, giao cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 09/02/2013 cho chị Bùi Thị X được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trang cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X và anh T A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về con riêng: Không có

[3] Xét về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Tưỡng 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị X.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị X được ly hôn với anh Nguyễn T A.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thùy Trang, sinh ngày 09/02/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con riêng: Không có

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

4. Về án phí: Chị Bùi Thị X chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị X đã nộp theo biên lai thu tiền 0002074 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn T A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND phường Him Lam, TP. Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

